



TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP – QUACERT
VIETNAM CERTIFICATION CENTRE – QUACERT

Trụ sở/Head Office:

8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
Tel: 04 – 37561025 ; Fax: 04 – 37563188
Email: quacert@quacert.gov.vn
Website: www.quacert.gov.vn

Văn phòng HCM/Representative Office:

PP 13, Ba Vì, Cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10,
tp. Hồ Chí Minh.
Tel: 08 – 39707034 ; Fax: 08 – 39707035
Email: quacert2@hcm.vnn.vn



CHƯƠNG TRÌNH CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG HACCP / GMP
HACCP / GMP SYSTEM CERTIFICATION SCHEME

ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
APPLICATION FOR CERTIFICATION

DÀNH CHO QUACERT / FOR QUACERT USE ONLY:

Mã số:	Code:	Người xem xét:
---------------	--------------	-----------------------



1. THÔNG TIN CHUNG / GENERAL INFORMATION

TÊN TỔ CHỨC : Tên tiếng Việt / in Vietnamese:
Organisation Name

Tên tiếng Anh / in English:

ĐỊA CHỈ : Địa chỉ / Address:
Address

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC : Họ và tên / Full Name:
Organisation's Representative
Chức vụ / Position:

Tel: Fax: Email:

NGƯỜI LIÊN HỆ : Họ và tên / Full Name:
Contact Person
Chức vụ / Position:

Tel: Fax: Email:

NGÀY THÀNH LẬP :
Foundation Date

LOẠI HÌNH TỔ CHỨC :
Type of Business

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Quốc doanh / State Owned | <input type="checkbox"/> Tư nhân / Private |
| <input type="checkbox"/> Cổ phần / Joint Stock | <input type="checkbox"/> Liên doanh / Joint Venture |
| <input type="checkbox"/> Hợp danh / Partnership | <input type="checkbox"/> Trách nhiệm HH / Limited |
| <input type="checkbox"/> Nước ngoài / Foreign | <input type="checkbox"/> Thành phần khác / Other |

2. THÔNG TIN CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION INFORMATION

LOẠI HÌNH CHỨNG NHẬN : Chứng nhận lần đầu / Initial Audit
Type of Certification Chứng nhận mở rộng / Extension Audit
 Chứng nhận chuyển đổi / Conversion Audit
 Chứng nhận lại / Renewal

TIÊU CHUẨN :
CHỨNG NHẬN
Certification Standard

LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ : Tiếng Việt / in Vietnamese:
CHỨNG NHẬN
Scope of Certification

Tiếng Anh / in English:



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ
NHÂN VIÊN
Number of Employees

: Tổng số CBNV trong Hệ thống HACCP /
in HACCP system:
Trong đó, số CBNV trực tiếp sản xuất /
in shop floor:
Nếu SX theo ca, Số CBNV trong ca SX chính /
in the main shift, if applicable:

**NẾU TỔ CHỨC CÓ NHIỀU
ĐỊA ĐIỂM THUỘC LĨNH
VỰC ĐĂNG KÝ CHỨNG
NHẬN, ĐỀ NGHỊ GHI RÕ
TÊN - ĐỊA CHỈ - SẢN PHẨM /
DỊCH VỤ / HOẠT ĐỘNG -
SỐ CBNV CỦA TỪNG ĐỊA
ĐIỂM (CÓ THỂ GHI VÀO
PHỤ LỤC)**

**If the organisation has
more than one premise or
remote location under the
registered scope of
certification, please specify
the Name, Address,
Product / Services /
Activities, and number of
employee relevant to each
premise or remote location
(Attachment may be used)**

: Địa điểm 01 / Premise No.01:

Địa điểm 02 / Premise No.02:

Địa điểm 03 / Premise No.03:

**ĐỀ NGHỊ LIỆT KÊ MỘT SỐ
VĂN BẢN PHÁP QUY QUAN
TRỌNG CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN LĨNH VỰC SẢN
XUẤT/KINH DOANH CỦA TỔ
CHỨC**

**Please identify some
important regulations
applicable to organisation's
field of products and
business**

**TỔ CHỨC ĐÃ ÁP DỤNG HỆ
THỐNG QUẢN LÝ NÀO
KHÁC (ISO 9001, ISO 14001,
OHSAS 18001...)**

**Has organisation applied
any management system
standard? (i.e. ISO 9001,
ISO 14001, OHSAS 18001...)**

**THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ
ĐÁNH GIÁ**

Time proposed for

: Có / Yes Không / No

Nếu có, xin ghi rõ tên tiêu chuẩn, tổ chức chứng nhận / If Yes, please
indicate the applicable standard, certification body:

Đánh giá sơ bộ / Pre-Assessment:

Đánh giá chính thức / Initial Assessment:

3. THÔNG TIN SƠ BỘ VỀ HỆ THỐNG / BASIC INFORMATION OF SYSTEM

- **LIỆT KÊ CÁC ĐIỂM CCP ĐÃ XÁC ĐỊNH ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI SẢN PHẨM THUỘC PHẠM VI ĐĂNG KÝ**
(Ghi chú: mục này chỉ áp dụng đối với chứng nhận HACCP)

Please list out CCPs relevant to each type of products under scope :

(Note: this item is applicable only for HACCP certification)

- **VỊ TRÍ VÀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH**
The location and immediate environment :

- **QUY MÔ CỦA ĐỊA ĐIỂM, LOẠI HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**
The size of the site, types of buildings :

- **ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP SƠ ĐỒ PHÁC THẢO VỀ MẶT BẰNG CỦA ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, TẬP TRUNG VÀO CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT VÀ CHỈ RÕ CÁC KHU VỰC VỚI CẤP ĐỘ SẠCH KHÁC NHAU, ĐƯỜNG DI CHUYỂN CỦA NGUYÊN LIỆU VÀ SẢN PHẨM**

Please provide outline plans of the site to be audited, highlighting production areas and identify areas with classified cleaning levels as well as the moving line of material and products :

- **ĐỀ NGHỊ MÔ TẢ NGẮN GỌN VỀ HỆ THỐNG THÔNG KHÍ (NẾU CÓ)**
Please provide a brief description of ventilation systems (if applicable) :

- **ĐỀ NGHỊ MÔ TẢ NGẮN GỌN VỀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**
Please provide a brief description of watersupply systems :



- **ĐỀ NGHỊ LIỆT KÊ MỘT SỐ THIẾT BỊ SẢN XUẤT VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TRỌNG YẾU**
Please list out some main production and quality control laboratory equipment :

- **LIỆT KÊ CÁC CHẤT KHÁNG SINH NHẠY CẢM, CÁC CHẤT ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM CÓ TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TẠI ĐỊA ĐIỂM**
List any sensitising antibiotics, cytotoxic or highly toxic/hazardous materials manufactured on the site :

- **ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÁC NHÀ THẦU PHỤ MÀ TỔ CHỨC ĐANG SỬ DỤNG (VÍ DỤ: ĐÓNG GÓI, XỬ LÝ, TIỆT TRÙNG, PHÂN TÍCH,...)**
Please provide details of any work relevant to the audit which is out-source sub-contracted to other manufacturers (e.g. packaging, processing, sterilisation, analysis...):

4. CÁC THÔNG TIN KHÁC / OTHER INFORMATION

XIN VUI LÒNG CHO BIẾT, :
ĐƠN VỊ NÀO TƯ VẤN CHO
TỔ CHỨC, NẾU CÓ

*Please let us known the
consultancy identity if
available*

XIN VUI LÒNG CHO BIẾT :
CÁC YÊU CẦU KHÁC,
NẾU CÓ

*Please let us known if you
have any other requests*

CHÚNG TÔI XIN CAM ĐOAN CÁC THÔNG TIN TRONG ĐĂNG KÝ KÝ CHỨNG NHẬN LÀ ĐÚNG
We certify that the statements made by us in this form are true and correct to the best of our knowledge.

CHÚNG TÔI ĐÃ HIỂU RÕ VÀ CAM KẾT TUÂN THỦ CÁC YÊU CẦU TRONG BẢN “QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ” (QUYẾT ĐỊNH 398/QĐ-QC) CỦA QUACERT TRÊN CƠ SỞ QUYẾT ĐỊNH 48/QĐ-TĐC CỦA TỔNG CỤC TIỂU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG.

We have understood and committed to follow all requirements in “Terms and Conditions of Management System Certification” specified by QUACERT (Decision 398/QD-QC) based on Decision 48/QD-TDC of Directorate for Standards and Quality.

Ngày / Date Tháng / Month Năm / Year
ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN / AUTHORISED REPRESENTATIVE
(Ký tên và đóng dấu / Sign and seal)